

HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Mạng lưới quan trắc chất lượng không khí



1993

- 6 trạm quan trắc đặt tại 6 cửa ngõ chính của thành phố

2000 - 2002

- 9 trạm quan trắc chất lượng khí tự động

2013

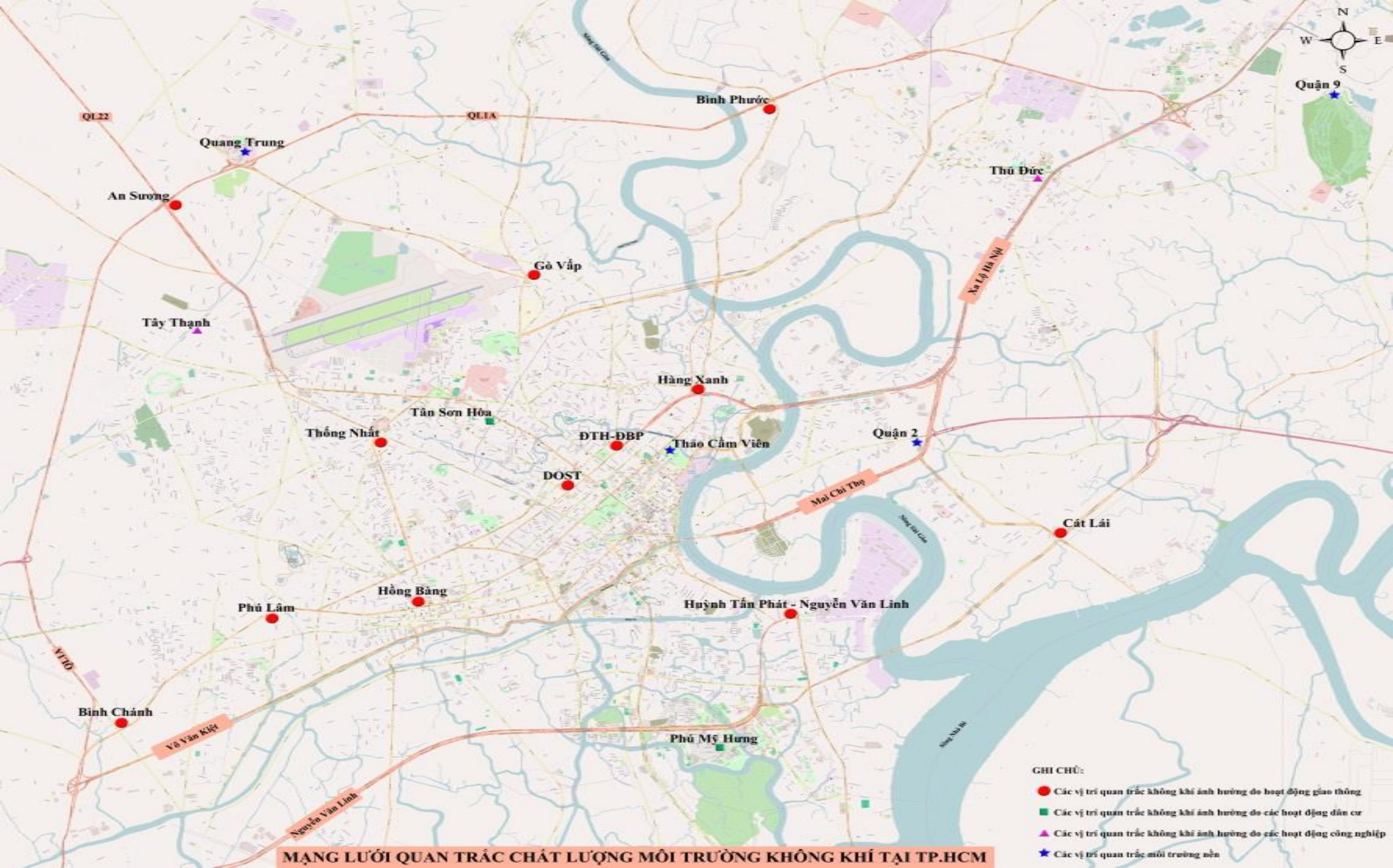
- Thay thế 9 trạm tự động = 9 trạm thủ công

2016

- Bổ sung thêm 5 trạm thủ công

Hiện nay

- **Tổng cộng 20 trạm**
- **Chỉ tiêu quan trắc:** Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, hướng gió, TSP, PM₁₀, CO, SO₂, NO₂, Mức ồn trung bình



■ Mạng lưới quan trắc chất lượng không khí

- ❖ **12 vị trí/trạm quan trắc giao thông:** Hàng Xanh, ĐTH – ĐBP, Phú Lâm, HTP – NVL, Gò Vấp, An Sương, DOST, Bình Chánh, Thống Nhất, Hồng Bàng; Cát Lái, Hiệp Bình Phước
- ❖ **04 trạm quan trắc nền:** Thảo Cầm Viên, Quận 2, Quang Trung; Quận 9
- ❖ **02 trạm quan trắc dân cư:** Tân Sơn Hòa; Phú Mỹ Hưng
- ❖ **02 trạm quan trắc công nghiệp:** Thủ Đức, Tân Bình

Thông số quan trắc:

- ❑ **Chỉ tiêu quan trắc:** Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, hướng gió, TSP, PM₁₀, CO, SO₂, NO₂, Mức ồn
- ❑ **Tần suất:** 2 thời điểm/ngày, 10 ngày/tháng

■ Hiện trạng chất lượng không khí tại TPHCM

Quy chuẩn Việt Nam QCVN 05:2013/BTNMT

Đơn vị: Microgam trên mét khối ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)

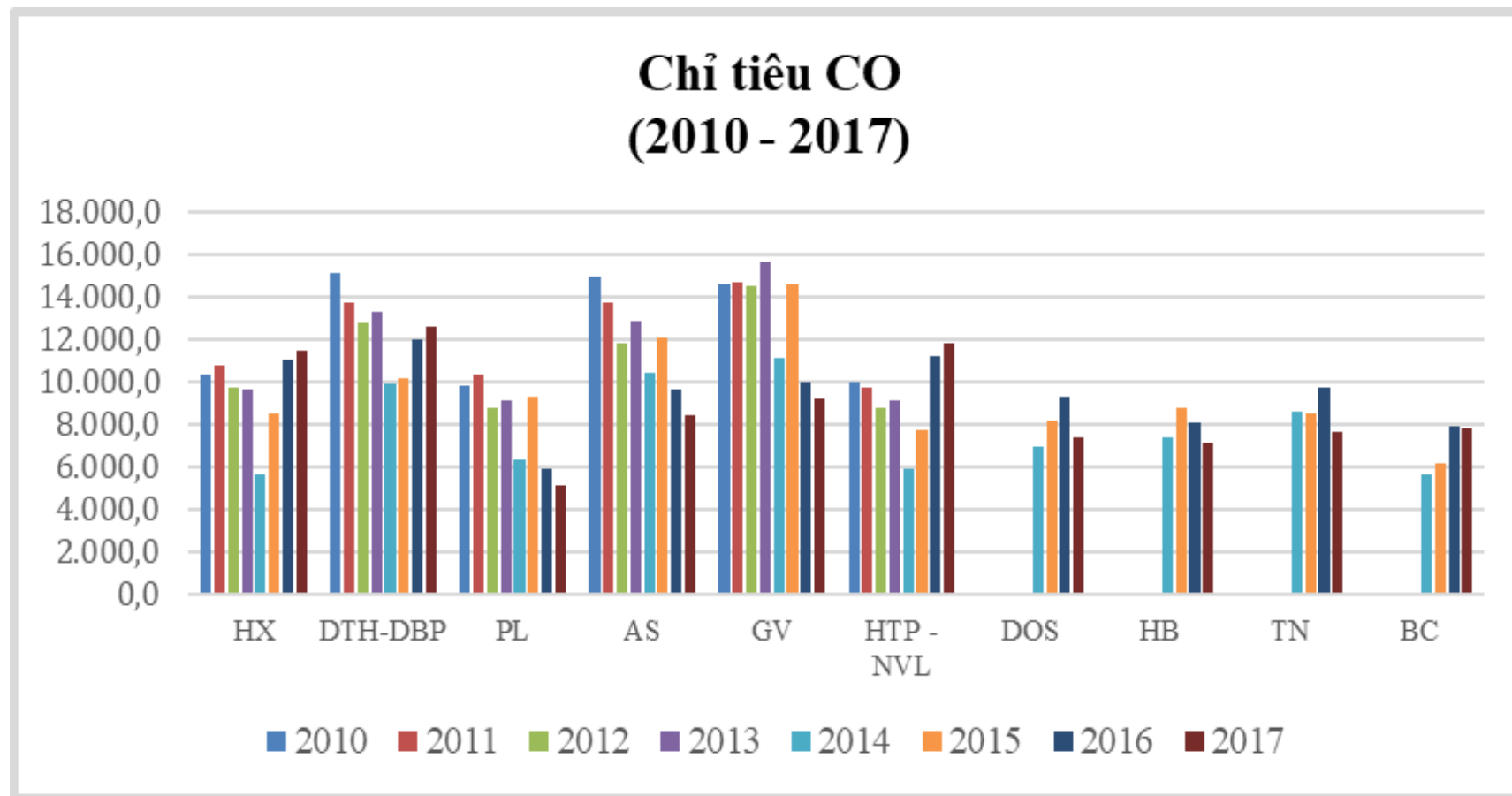
TT	Thông số	Trung bình 1 giờ	Trung bình 8 giờ	Trung bình 24 giờ	Trung bình năm
1	SO ₂	350	-	125	50
2	CO	30.000	10.000	-	-
3	NO ₂	200	-	100	40
4	O ₃	200	120	-	-
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	300	-	200	100
6	Bụi PM ₁₀	-	-	150	50
7	Bụi PM _{2,5}	-	-	50	25
8	Pb	-	-	1,5	0,5
Ghi chú: dấu (-) là không quy định					

Quy chuẩn Việt Nam QCVN 26:2010/BTNMT

(theo mức âm tương đương), dBA

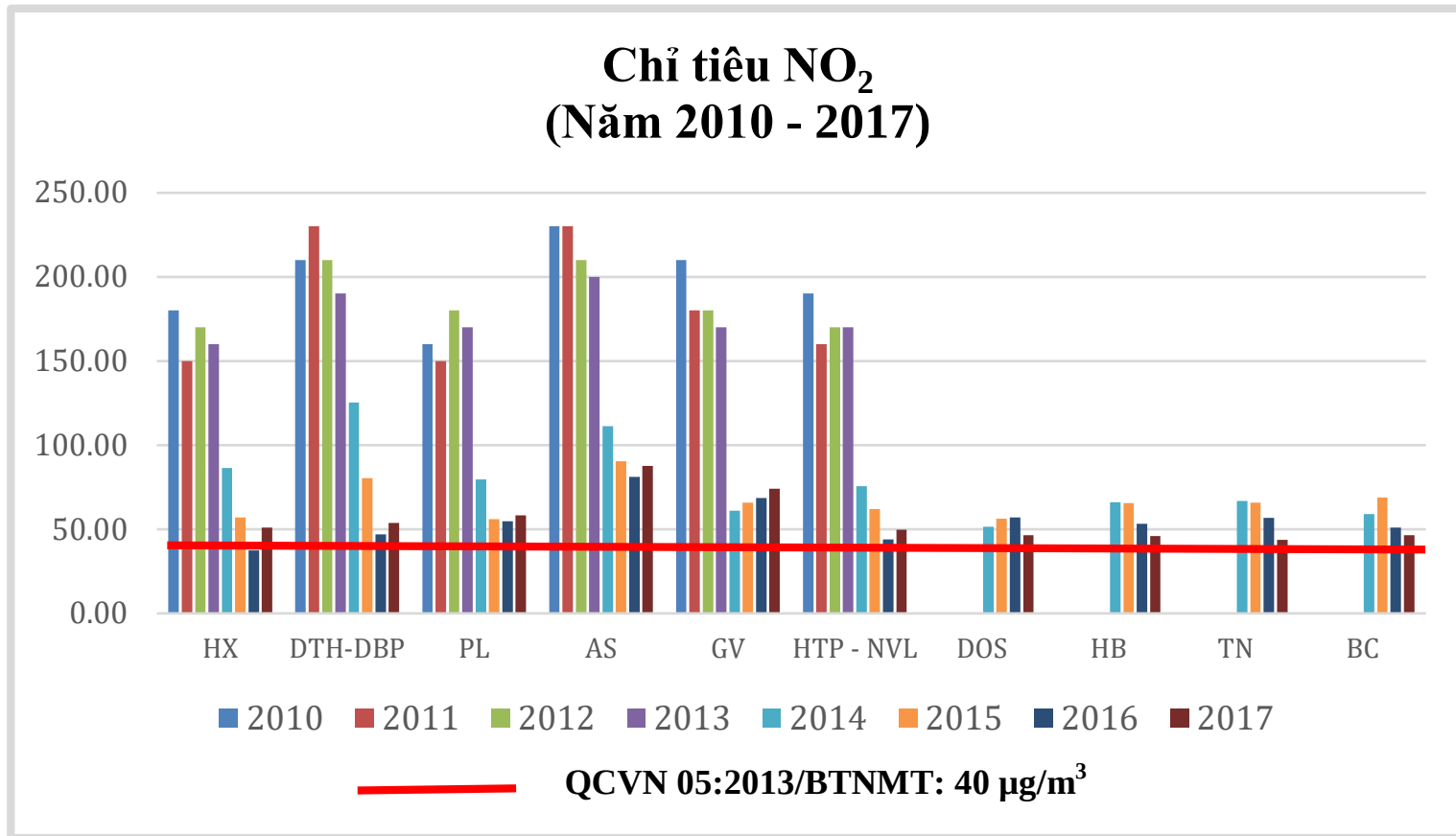
TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

■ Hiện trạng chất lượng không khí tại TPHCM



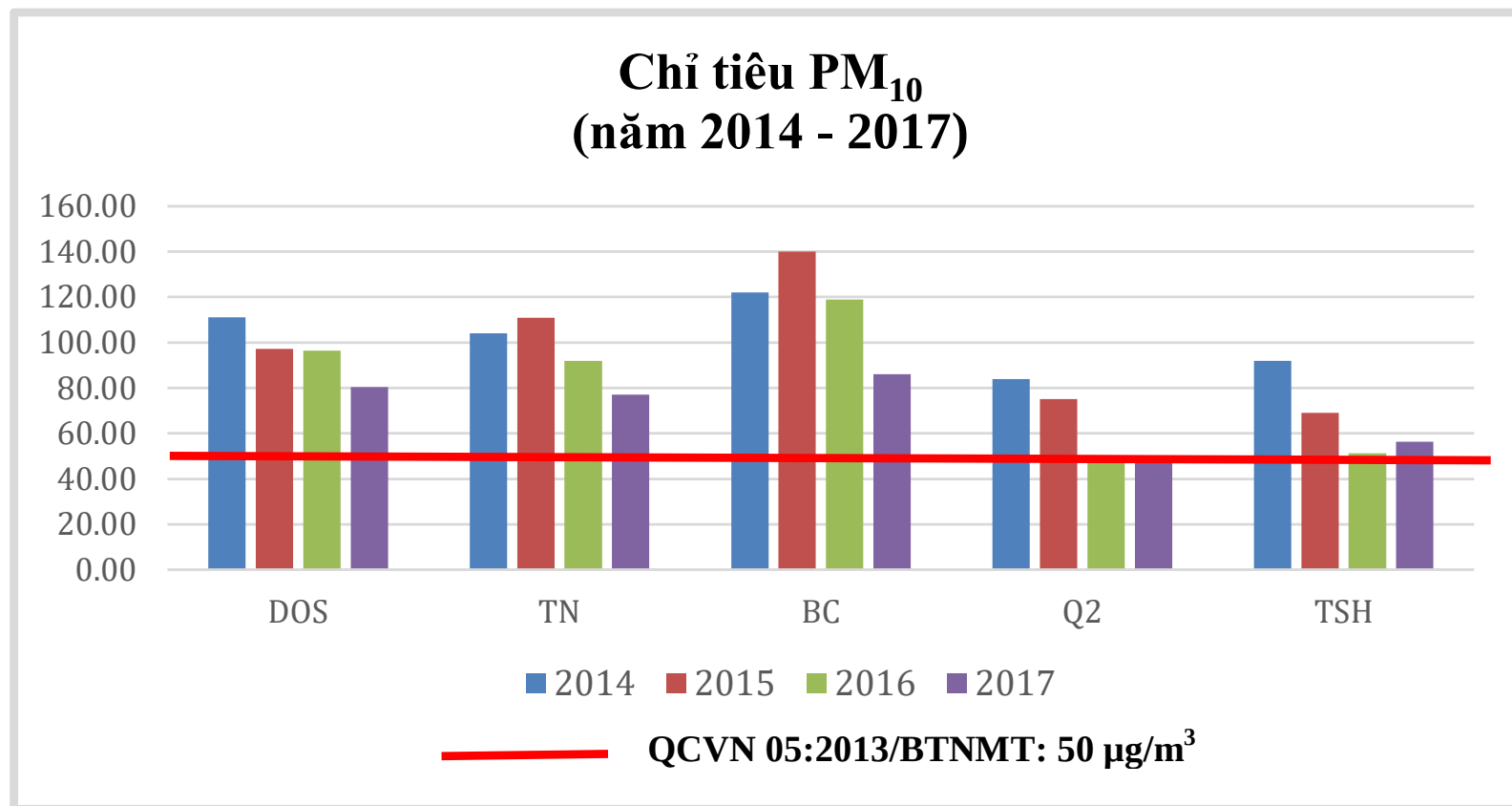
Giá trị trung bình năm của chỉ tiêu CO trong giai đoạn năm 2010 đến 2017, dao động trong khoảng 5.140,8 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ đến 15.660 $\mu\text{g}/\text{m}^3$. 100% số liệu quan trắc đạt Quy chuẩn Việt Nam (QCVN 05:2013/BTNMT, nồng độ CO trung bình 1 giờ: 30.000 $\mu\text{g}/\text{m}^3$).

Hiện trạng chất lượng không khí tại TPHCM



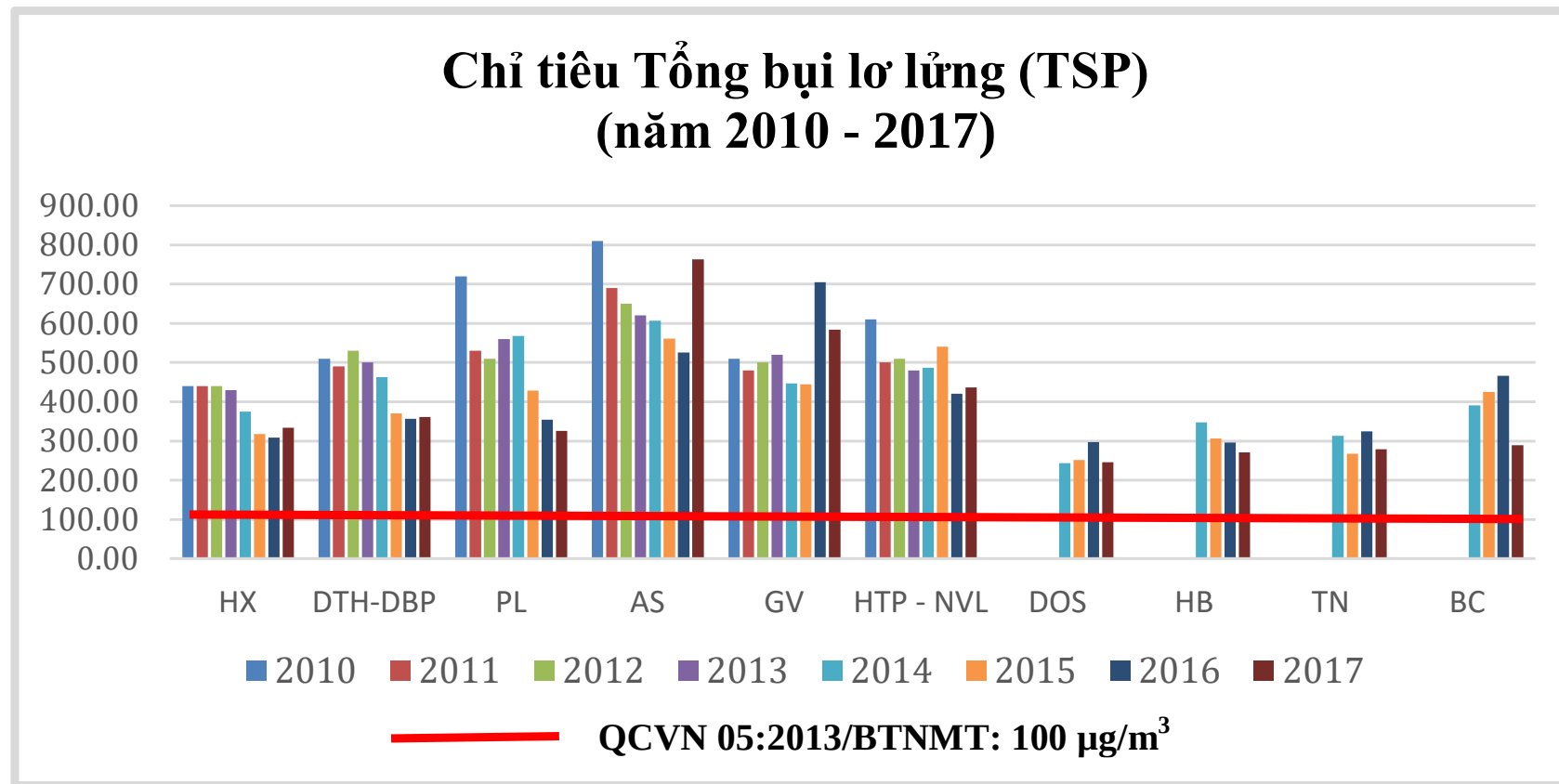
Giá trị trung bình năm của chỉ tiêu NO₂ trong giai đoạn năm 2010 đến 2017, dao động trong khoảng 37,38µg/m³ đến 230µg/m³. Trong giai đoạn quan trắc, từ năm 2010 đến năm 2017 chỉ tiêu NO₂ có xu hướng giảm

■ Hiện trạng chất lượng không khí tại TPHCM



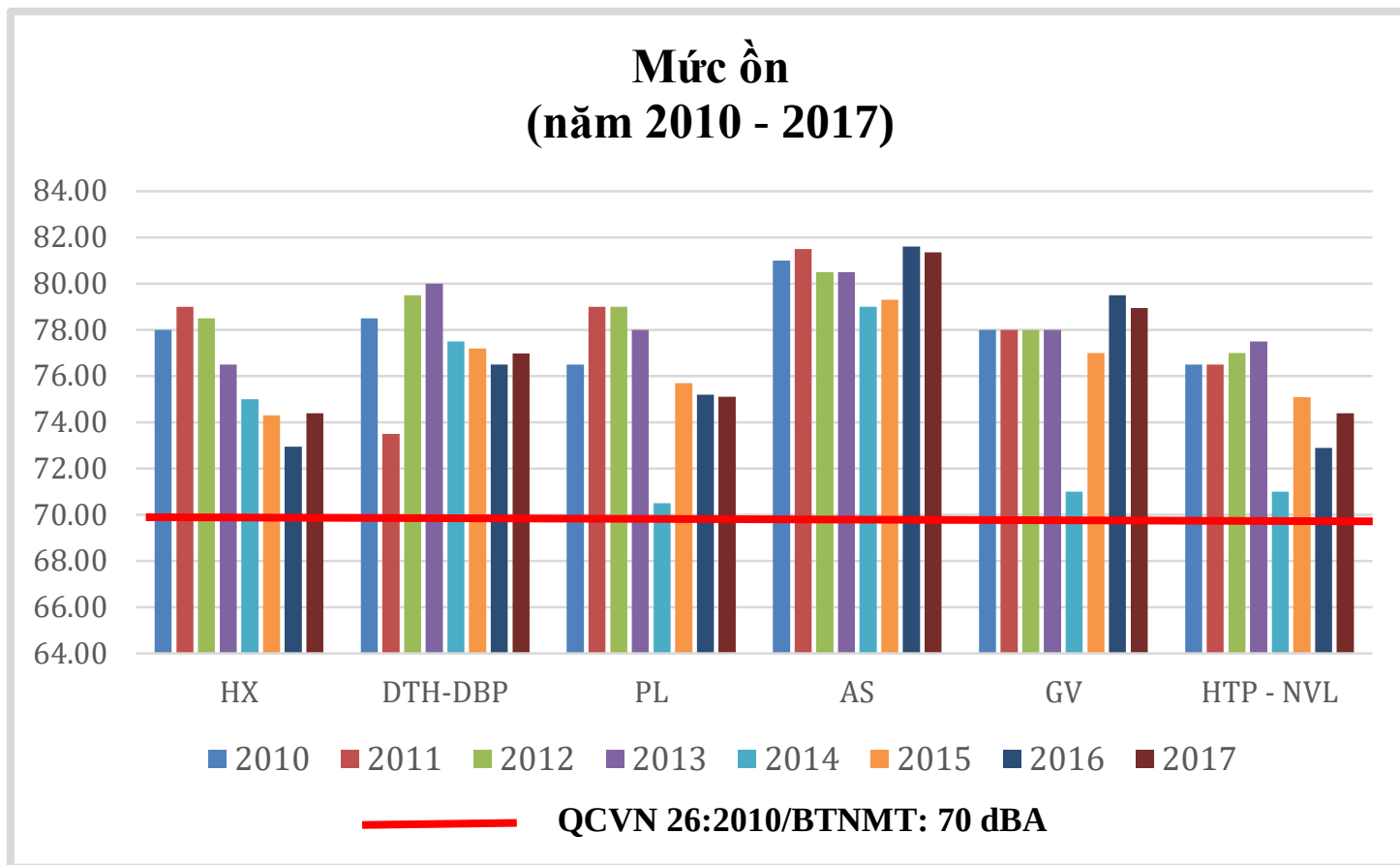
Giá trị trung bình năm của Bụi PM₁₀ trong giai đoạn năm 2014 đến 2017, dao động trong khoảng 47,34 µg/m³ đến 140,1 µg/m³. Trong giai đoạn quan trắc, từ năm 2014 đến năm 2017 chỉ tiêu Bụi PM₁₀ có xu hướng giảm.

■ Hiện trạng chất lượng không khí tại TPHCM



Giá trị trung bình năm của chỉ tiêu Tổng bụi lơ lửng (TSP) trong giai đoạn năm 2010 đến 2017, dao động trong khoảng 243,8 µg/m³ đến 810 µg/m³, vượt quy chuẩn Việt Nam từ 2,44 - 8,1 lần (QCVN 05:2013/BTNMT, TSP trung bình năm: 100 µg/m³)

■ Hiện trạng chất lượng không khí tại TPHCM



Giá trị đo mức ồn trong giai đoạn năm 2010 đến 2017, dao động trong khoảng 70,5 dBA đến 81,6 dBA. Hầu hết số liệu quan trắc vượt Quy chuẩn Việt Nam (QCVN 26:2010/BTNMT (70 dBA)).

■ Hiện trạng chất lượng không khí tại TP.HCM

Ô nhiễm chất lượng không khí trên địa bàn TP.HCM chủ yếu là do Tổng bụi lơ lửng (TSP) và tiếng ồn do các hoạt động giao thông gây ra. Trong năm 2017, số liệu quan trắc tại 12 vị trí quan trắc giao thông cho thấy có 68,16% số liệu quan trắc tổng bụi lơ lửng (TSP) vượt QCVN 05:2013/BTNMT (trung bình 1 giờ: 300 $\mu\text{g}/\text{m}^3$) và 98,40% số liệu quan trắc mức ồn vượt QCVN 26:2010/BTNMT (70 dBA).

TSP 2017 ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)							
STT	Vị trí	Tổng số liệu quan trắc	Tổng số liệu vượt chuẩn	Trung bình	Min	Max	% vượt chuẩn
1	HX	240	177	333,5	93,0	626,0	73,8%
2	DTH-DBP	240	185	361,7	86,0	968,0	77,1%
3	PL	240	177	325,4	90,0	1200,0	48,8%
4	AS	240	239	763,3	250,0	2250,0	99,6%
5	GV	240	226	583,3	160,0	1960,0	94,2%
6	HTP - NVL	240	198	436,2	69,0	1174,0	82,5%
7	DOS	240	49	245,7	110,0	420,0	20,4%
8	HB	240	70	271,0	110,0	680,0	29,2%
9	TN	240	80	278,9	130,0	570,0	33,3%
10	BC	240	106	289,1	50,0	690,0	44,2%
11	CL	240	236	904,4	165,0	1935,0	98,3%
12	HBP	240	220	564,2	107,0	1286,0	91,7%

* QCVN 05:2013/BTNMT (trung bình 1 giờ: 300 $\mu\text{g}/\text{m}^3$)

Mức ồn 2017 (dBA)							
STT	Vị trí	Tổng số liệu quan trắc	Tổng số liệu vượt chuẩn	Trung bình	Min	Max	% vượt chuẩn
1	HX	240	240	74,4	70,9	78,7	100,0%
2	DTH-DBP	240	240	77,0	71,3	82,4	100,0%
3	PL	240	240	75,1	72,4	76,7	100,0%
4	AS	240	240	81,4	75,9	84,5	100,0%
5	GV	240	240	78,9	75,8	82,3	100,0%
6	HTP - NVL	240	240	74,4	70,1	83,5	100,0%
7	DOS	240	235	72,7	67,9	77,2	97,9%
8	HB	240	214	71,3	66,2	74,2	89,2%
9	TN	240	238	73,4	70,0	76,4	99,2%
10	BC	240	227	71,6	67,8	74,6	94,6%
11	CL	240	240	82,3	72,3	92,5	100,0%
12	HBP	240	240	76,5	70,6	80,6	100,0%

* QCVN 26:2010/BTNMT (70 dBA).

Hoạt động giao thông

Báo động Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ



Năm 2017: 7,6 triệu xe máy và 796.000 xe ô tô và chưa kể đến các xe của người dân tỉnh mang vào thành phố để đi làm.

Năm 2020: lượng phương tiện tăng khoảng 30%, với khoảng 9 triệu xe máy và gần 800.000 ô tô.

■ Nguyên nhân ô nhiễm không khí tại TPHCM

Hoạt động công nghiệp



Hiện nay, TP.HCM có khoảng 1.000 nhà máy xí nghiệp quy mô lớn và hàng chục ngàn cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp

Hoạt động xây dựng, dịch vụ



TP.HCM đang ở vào giai đoạn xây dựng cải tạo, chỉnh trang đô thị, hoạt động xây dựng diễn ra khắp nơi trong thành phố

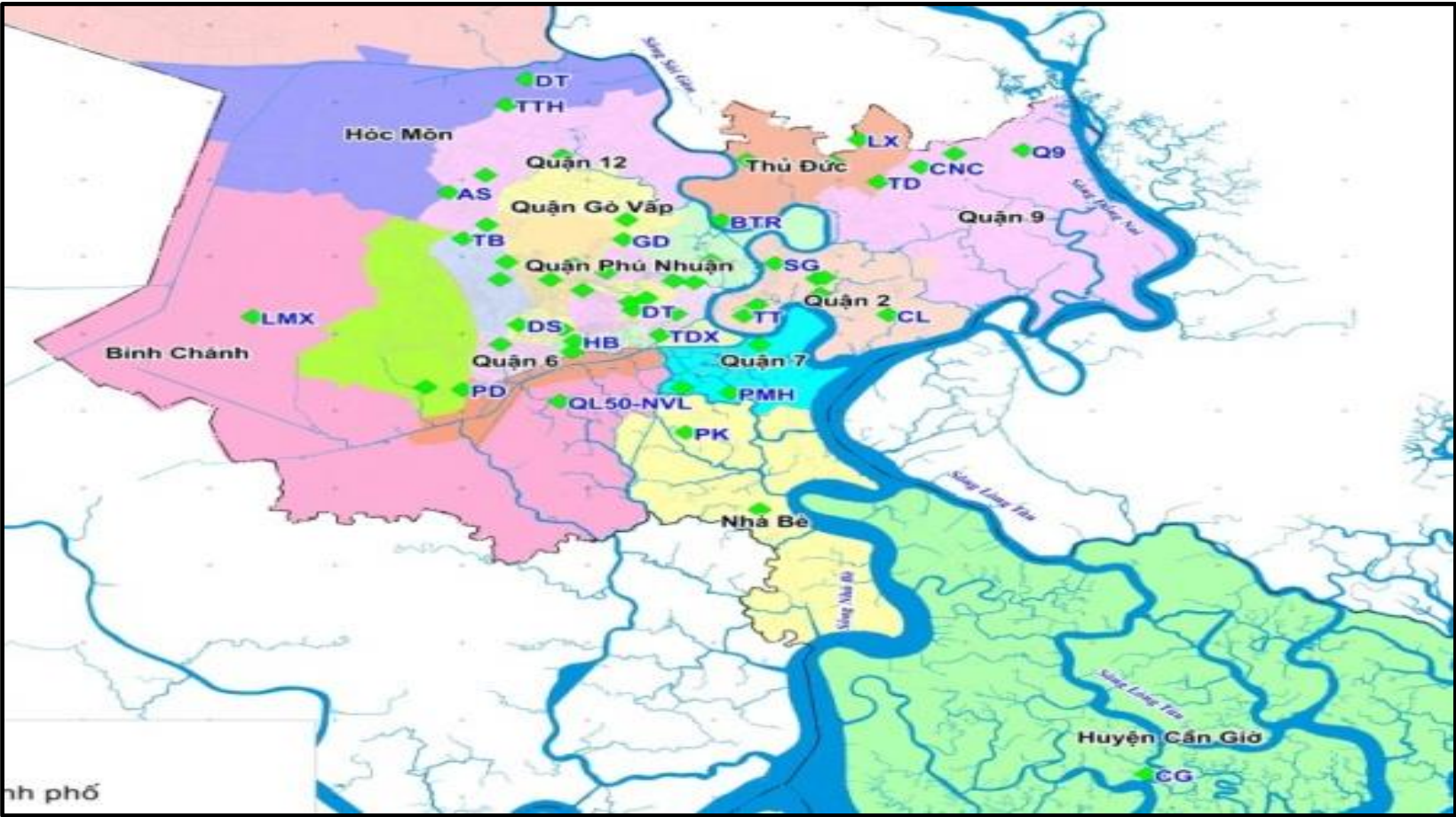
Giải pháp quản lý, giảm ô nhiễm không khí tại TP.HCM

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường không khí và ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường không khí.



■ Giải pháp quản lý, giảm ô nhiễm không khí tại TP.HCM

Thực hiện phủ kín mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường không khí



	2016	2017	2018	2019	2020	2021 - 2030
Quan trắc thủ công	20	20	34	30	21	34
Quan trắc tự động cố định	0	0	2	9	18	20
Quan trắc tự động di động	0	0	0	1	1	1

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường.

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường không khí, xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm, cấm hoạt động, buộc di dời trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.
- Tăng cường kiểm tra giám sát các nguồn thải mà đặc biệt là các nguồn thải lớn theo phương thức tự động hóa; giám sát chặt chẽ các công trình xây dựng nói chung và công trình xây dựng nhà ở nói riêng.
- Đẩy nhanh việc xây dựng các tuyến metro, tuyến đường trên cao nhằm giảm lượng xe cá nhân và giảm mật độ xe lưu thông trên các tuyến đường.
- Thực hiện giảm mật độ dân số; tăng cường các mảng xanh, hồ nước...

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**HCMC Central for Natural Resources and Environmental Monitoring
(CEM)**



Lầu 4, số 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: 028.38443881 – Fax: 028.34883868

Website: www.cemhcm.gov.vn



Xin trân trọng cảm ơn!

